



PHÁP LỆNH

GIỐNG CÂY TRỒNG



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PHÁP LỆNH
GIỐNG CÂY TRỒNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2004

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 03/2004/L-CTN

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2004

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC

**Về việc công bố Pháp lệnh
của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Điều 19 của Luật tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

NAY CÔNG BỐ

Pháp lệnh giống cây trồng.

Đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 24 tháng 03 năm 2004.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trần Đức Lương

PHÁP LỆNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Nghị quyết số 21/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2004;

Pháp lệnh này quy định về giống cây trồng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định về quản lý và bảo tồn nguồn gen cây trồng; nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, kiểm định, kiểm nghiệm, công nhận, bảo hộ giống cây trồng mới; bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống, rừng giống; sản xuất, kinh doanh

giống cây trồng; quản lý chất lượng giống cây trồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Pháp lệnh này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực giống cây trồng trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giống cây trồng* là một quần thể cây trồng đồng nhất về hình thái và có giá trị kinh tế nhất định, nhận biết được bằng sự biểu hiện của các đặc tính do kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác thông qua sự biểu hiện của ít nhất một đặc tính và di truyền được cho đời sau.

Giống cây trồng được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản bao gồm hạt, củ, quả, rễ, thân, cành, lá, cây con, mắt ghép, chồi, hoa, mô, tế bào, bào tử, sợi nấm, rong, tảo và vi tảo.

2. *Giống cây trồng mới* là giống cây trồng mới được chọn, tạo ra hoặc mới được nhập khẩu lần đầu có tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định nhưng chưa có

trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh.

3. *Giống cây trồng mới được bảo hộ* là giống cây trồng mới đã được cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

4. *Nguồn gen cây trồng* là những thực vật sống hoàn chỉnh hay bộ phận sống của chúng mang thông tin di truyền có khả năng tạo ra hoặc tham gia tạo ra giống cây trồng mới.

5. *Khảo nghiệm giống cây trồng mới* là quá trình theo dõi, đánh giá trong điều kiện và thời gian nhất định nhằm xác định tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cây trồng.

6. *Sản xuất thử* là quá trình sản xuất giống cây trồng mới đã qua khảo nghiệm và được phép sản xuất trên diện tích nhất định trong điều kiện sản xuất đại trà.

7. *Kiểm định giống cây trồng* là quá trình kiểm tra chất lượng lô giống cây trồng sản xuất ngay tại ruộng, nương hoặc vườn nhằm xác định tính đúng giống, độ thuần di truyền và mức độ lẫn giống hoặc loài cây khác.

8. *Kiểm nghiệm giống cây trồng* là quá trình phân tích các chỉ tiêu chất lượng của mẫu giống ở phòng kiểm nghiệm.

9. *Hạt giống thuần* là hạt giống dùng để nhân giống cho đời sau mà vẫn bảo đảm được tính di truyền ổn định.

10. *Hạt giống tác giả* là hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.

11. *Hạt giống siêu nguyên chủng* là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

12. *Hạt giống nguyên chủng* là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

13. *Hạt giống xác nhận* là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

14. *Phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng* là quá trình chọn lọc cá thể, nhân và tuyển chọn những dòng đặc trưng của giống, bảo đảm độ thuần di truyền đáp ứng tiêu chuẩn hạt giống siêu nguyên chủng.

15. *Cây mẹ* là cây lâm nghiệp tốt nhất được tuyển chọn từ rừng tự nhiên, rừng trồng, rừng giống hoặc vườn giống để nhân giống.

16. *Cây đầu dòng* của cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm, cây lâm nghiệp là cây có năng suất, chất lượng, tính chống chịu cao hơn hẳn các cây khác trong quần thể một giống đã qua bình tuyển và được công nhận để nhân giống bằng phương pháp vô tính.

17. *Vườn cây đầu dòng* của cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm, cây lâm nghiệp là vườn cây được nhân bằng phương pháp vô tính từ cây đầu dòng để phục vụ cho sản xuất giống.

18. *Vườn giống cây lâm nghiệp* là vườn giống được trồng theo sơ đồ nhất định các dòng vô tính hoặc ươm từ hạt của cây mẹ đã được tuyển chọn và công nhận.

19. *Rừng giống* là rừng gồm các cây giống được nhân từ cây mẹ và trồng không theo sơ đồ hoặc được chuyển hóa từ rừng tự nhiên, rừng trồng đã qua bình tuyển và được công nhận.

20. *Giống cây trồng có gen đã bị biến đổi* là giống cây trồng có mang một tổ hợp mới vật liệu di truyền (ADN) nhận được qua việc sử dụng công nghệ sinh học hiện đại.

21. *Giống cây trồng chính* là giống của những loài cây trồng được trồng phổ biến, có số lượng lớn, có giá trị kinh tế cao cần được quản lý chặt chẽ.

22. *Giống giả* là giống không đúng với tên giống, xuất xứ và cấp giống ghi trên nhãn; nhãn hiệu giống cây trồng trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu giống cây trồng khác đã được pháp luật bảo hộ.

23. *Vật liệu nhân giống* là cây hoàn chỉnh, rong, tảo, vi tảo hoặc bộ phận của chúng như hạt, củ, quả, rễ, thân, cành, lá, cây con, mắt ghép, chồi, hoa, mô, tế bào, bào tử, sợi nấm được sử dụng để sản xuất ra cây trồng mới.

24. *Tính mới của giống cây trồng về mặt thương mại* được hiểu là giống cây trồng đó chưa được kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam một năm, ngoài lãnh thổ

Việt Nam sáu năm đối với các nhóm cây thân gỗ và nhỏ, bốn năm đối với cây trồng khác trước ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ.

25. *Phó bản Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới* là bản thứ hai cấp cho chủ sở hữu giống cây trồng mới trong trường hợp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới bị thất lạc có lý do chính đáng. Phó bản Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới có nội dung và giá trị như Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới đã được cấp.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động về giống cây trồng

1. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giống cây trồng phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi cả nước và của từng địa phương.

2. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu, quyền tác giả giống cây trồng mới, phát huy quyền tự chủ, quyền bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động về giống cây trồng.

3. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chính.

4. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động về giống cây trồng; bảo đảm đủ giống chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất; bảo đảm sức khoẻ con người, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái.

5. Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nghiên cứu, chọn, tạo, sản xuất, bảo quản giống cây

trồng; kết hợp giữa công nghệ hiện đại với kinh nghiệm của nhân dân.

6. Bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn gen cây trồng; bảo đảm tính đa dạng sinh học; kết hợp giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về giống cây trồng

1. Bảo đảm phát triển giống cây trồng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giống cây trồng.

2. Ưu tiên đầu tư cho các hoạt động sau đây:

a) Nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng mới, duy trì hạt giống tác giả;

b) Bảo tồn cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống, rừng giống;

c) Điều tra, thu thập, bảo tồn nguồn gen cây trồng quý hiếm.

3. Khuyến khích và hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản sử dụng giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện sản xuất bất lợi, đáp ứng yêu cầu thị trường.

4. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào việc thu thập, bảo tồn nguồn gen, nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, kiểm định, kiểm

nghiệm, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.

5. Khuyến khích hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư nhằm chuyển giao nhanh tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến về giống cây trồng; gắn nghiên cứu với sản xuất.

6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ nhân, giữ giống siêu nguyên chủng, giống nguyên chủng, cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống.

Điều 6. Giống cây trồng có gen đã bị biến đổi

Việc nghiên cứu, chọn, tạo, thử nghiệm, sản xuất, kinh doanh, sử dụng, trao đổi quốc tế và các hoạt động khác đối với giống cây trồng có gen đã bị biến đổi được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giống cây trồng

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giống cây trồng.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giống cây trồng nông nghiệp và lâm nghiệp trong phạm vi cả nước.

Bộ Thủy sản chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giống cây trồng thủy sản trong phạm vi cả nước.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm

vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản thực hiện việc quản lý nhà nước về giống cây trồng.

4. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về giống cây trồng tại địa phương.

Điều 8. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động về giống cây trồng hoặc có công phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về giống cây trồng thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Nhà nước tôn vinh tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc chọn, tạo ra giống cây trồng mới.

Điều 9. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Kinh doanh giống giả, giống cây trồng không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng.

2. Sản xuất, kinh doanh giống không có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh.

3. Phá hoại, chiếm đoạt nguồn gen cây trồng, xuất khẩu trái phép nguồn gen cây trồng quý hiếm.

4. Thí nghiệm sâu bệnh ở nơi sản xuất giống cây trồng.

5. Cản trở các hoạt động hợp pháp về nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, kiểm định, kiểm nghiệm, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.

6. Nhập khẩu nguồn gen, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng gây hại đến sản xuất và sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái.

7. Công bố tiêu chuẩn chất lượng, quảng cáo, thông tin sai sự thật về giống cây trồng.

8. Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả giống cây trồng, của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

9. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ BẢO TỒN NGUỒN GEN CÂY TRỒNG

Điều 10. Quản lý nguồn gen cây trồng

1. Nguồn gen cây trồng là tài sản quốc gia do Nhà nước thống nhất quản lý.

2. Nguồn gen cây trồng ở khu bảo tồn của Nhà nước khi có nhu cầu khai thác, sử dụng phải được phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia vào việc quản lý nguồn gen cây trồng tại địa phương.

Điều 11. Nội dung bảo tồn nguồn gen cây trồng

1. Điều tra, thu thập nguồn gen phù hợp với tính chất và đặc điểm của từng loài cây.

2. Bảo tồn lâu dài và an toàn nguồn gen đã được

xác định phù hợp với đặc tính sinh học cụ thể của từng loài cây.

3. Đánh giá nguồn gen theo các chỉ tiêu sinh học và giá trị sử dụng.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin tư liệu nguồn gen cây trồng.

Điều 12. Thu thập, bảo tồn nguồn gen cây trồng quý hiếm

1. Nhà nước đầu tư và hỗ trợ cho việc thu thập, bảo tồn nguồn gen cây trồng quý hiếm; xây dựng cơ sở lưu giữ nguồn gen cây trồng quý hiếm; bảo tồn nguồn gen cây trồng quý hiếm tại địa phương.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc bảo tồn nguồn gen cây trồng quý hiếm theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản định kỳ công bố Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm cần bảo tồn.

Điều 13. Trao đổi nguồn gen cây trồng quý hiếm

1. Tổ chức, cá nhân được trao đổi nguồn gen cây trồng quý hiếm để phục vụ cho việc nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất, kinh doanh giống cây trồng mới theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản.

2. Việc trao đổi quốc tế nguồn gen cây trồng quý hiếm phải được phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

Chương III

NGHIÊN CỨU, CHỌN, TẠO, KHẢO NGHIỆM, CÔNG NHẬN GIỐNG CÂY TRỒNG MỚI VÀ BÌNH TUYỂN, CÔNG NHẬN CÂY MẸ; CÂY ĐÀU DÒNG, VƯỜN GIỐNG CÂY LÂM NGHIỆP, RỪNG GIỐNG

Điều 14. Nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng mới

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài được nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng mới trên lãnh thổ Việt Nam.

Việc nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng mới phải tuân thủ các quy định của Pháp lệnh này, pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng mới phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hoá nông sản, lâm sản, thủy sản.

Điều 15. Khảo nghiệm giống cây trồng mới

1. Giống cây trồng mới chọn, tạo hoặc nhập khẩu chưa có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh chỉ được đưa vào Danh mục này khi đã qua khảo nghiệm và được công nhận.

2. Hình thức khảo nghiệm giống cây trồng mới bao gồm:

a) Khảo nghiệm quốc gia đối với giống cây trồng mới của những cây trồng thuộc Danh mục giống cây trồng chính được chọn, tạo tại Việt Nam và giống nhập khẩu chưa có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh;

b) Tác giả tự khảo nghiệm và chịu trách nhiệm về kết quả khảo nghiệm đối với giống của những giống cây trồng khác.

3. Nội dung khảo nghiệm bao gồm:

a) Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (khảo nghiệm DUS);

b) Khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng (khảo nghiệm VCU).

4. Trình tự, thủ tục khảo nghiệm quốc gia được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo nghiệm giống cây trồng mới nộp hồ sơ đăng ký khảo nghiệm cho cơ sở khảo nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản công nhận.

Hồ sơ đăng ký khảo nghiệm bao gồm: đơn đăng ký khảo nghiệm; hồ sơ giống cây trồng trong đó ghi rõ tên giống, xuất xứ, số lượng, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và quy trình kỹ thuật canh tác;

b) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo nghiệm giống cây trồng mới ký hợp đồng với cơ sở khảo nghiệm đã được công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Pháp lệnh này.

5. Trường hợp tác giả tự khảo nghiệm phải tiến hành theo quy phạm khảo nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành hoặc ký hợp đồng với cơ sở khảo nghiệm đã được công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Pháp lệnh này.

6. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu giống cây trồng mới đăng ký khảo nghiệm phải chịu chi phí khảo nghiệm.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành Danh mục giống cây trồng chính, Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh.

Điều 16. Cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng mới

1. Cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng mới được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản công nhận phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đăng ký hoạt động khảo nghiệm giống cây trồng;

b) Có địa điểm phù hợp với yêu cầu khảo nghiệm và yêu cầu sinh trưởng, phát triển của từng loài cây trồng,

phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về thủy sản, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

c) Có trang, thiết bị chuyên ngành đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng loài cây trồng;

d) Có giống chuẩn của các giống cây trồng cùng loài để làm giống đối chứng trong khảo nghiệm DUS;

đ) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật được đào tạo về khảo nghiệm giống cây trồng.

2. Cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng mới phải thực hiện đúng quy phạm khảo nghiệm đối với từng loài cây trồng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành và chịu trách nhiệm về kết quả khảo nghiệm đã thực hiện.

Điều 17. Đặt tên giống cây trồng mới

1. Mỗi giống cây trồng mới chỉ được đặt một tên phù hợp. Khi được công nhận thì tên đó trở thành tên chính thức, duy nhất dùng trong các hoạt động liên quan đến giống cây trồng đó.

2. Tên giống phải dễ dàng phân biệt với tên của các giống cây trồng khác cùng loài.

3. Các trường hợp đặt tên không được chấp nhận:

a) Chỉ bao gồm toàn các chữ số;

b) Vi phạm đạo đức xã hội;

c) Dễ gây hiểu nhầm với đặc trưng, đặc tính của giống cây trồng đó;

d) Trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hóa đang được bảo hộ cho sản phẩm hoặc với sản phẩm thu hoạch của giống cây trồng đó.

Điều 18. Công nhận giống cây trồng mới

1. Giống cây trồng mới sử dụng trong nông nghiệp, lâm nghiệp được công nhận khi đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

a) Có kết quả khảo nghiệm của cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng mới;

b) Có kết quả sản xuất thử và được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi sản xuất thử chấp nhận đưa vào sản xuất đại trà;

c) Có tên phù hợp theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh này;

d) Được Hội đồng khoa học chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập đánh giá kết quả khảo nghiệm, kết quả sản xuất thử và đề nghị công nhận.

2. Giống cây trồng mới sử dụng trong lĩnh vực thủy sản được công nhận khi đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

a) Có kết quả khảo nghiệm của cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng mới;

b) Có tên phù hợp theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh này;

c) Được Hội đồng khoa học chuyên ngành do Bộ

trưởng Bộ Thủy sản thành lập đánh giá kết quả khảo nghiệm và đề nghị công nhận.

3. Căn cứ vào đề nghị của Hội đồng khoa học chuyên ngành, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản xem xét, quyết định công nhận giống cây trồng mới.

Giống cây trồng mới có thể được đề nghị công nhận đặc cách, không phải qua sản xuất thử nếu kết quả khảo nghiệm cho thấy giống đó đặc biệt xuất sắc.

4. Giống cây trồng mới đã được công nhận được đưa vào Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh.

Điều 19. Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống

1. Việc công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống được thực hiện thông qua bình tuyển.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức việc bình tuyển; công nhận vườn giống cây lâm nghiệp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức việc bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đánh giá và hướng dẫn sử dụng, khai thác hợp lý cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống đã được công nhận.

4. Tổ chức, cá nhân đăng ký bình tuyển cây mẹ, cây

đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống phải nộp phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương IV

BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG MỚI

Điều 20. Nguyên tắc bảo hộ giống cây trồng mới

1. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu, quyền tác giả đối với giống cây trồng mới dưới hình thức cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng mới trên phạm vi cả nước.

3. Việc bảo hộ giống cây trồng mới phải tuân theo các quy định của Pháp lệnh này, pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Điều kiện để giống cây trồng mới được bảo hộ

1. Có trong Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Có tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định.

3. Có tính mới của giống cây trồng về mặt thương mại.

4. Có tên phù hợp theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh này.

Điều 22. Đối tượng có quyền yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Tổ chức chọn, tạo giống cây trồng mới bằng vốn ngân sách nhà nước hoặc bằng các nguồn vốn khác.
2. Cá nhân chọn, tạo giống cây trồng mới bằng công sức, vốn của mình hoặc bằng các nguồn vốn khác.
3. Chủ hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân chọn, tạo ra giống cây trồng mới nếu hợp đồng không có thoả thuận khác.

4. Tổ chức, cá nhân có đầy đủ căn cứ xác định là người đầu tiên chọn, tạo ra giống cây trồng mới trong trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong cùng một ngày đối với cùng một giống cây trồng mới; trong trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân đầu tiên chọn, tạo ra giống cây trồng mới đó thì các bên có thể thoả thuận để cùng đứng tên nộp hồ sơ hoặc một bên đứng tên nộp hồ sơ, nếu không tự thoả thuận được thì Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới có quyền không chấp nhận hồ sơ.

5. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầu tiên trong trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới đối với cùng một giống cây trồng mới.

Điều 23. Hồ sơ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ

giống cây trồng mới phải nộp trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân làm đại diện nộp hồ sơ cho Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới bao gồm:

a) Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới;

b) Tài liệu mô tả giống cây trồng theo mẫu quy định cùng với ảnh chụp.

Hồ sơ phải bằng tiếng Việt. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới thì ngoài hồ sơ bằng tiếng Việt còn phải có hồ sơ bằng tiếng Anh kèm theo.

3. Trong trường hợp hồ sơ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này thì Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới phải xác nhận ngày nộp hồ sơ và ghi rõ số hiệu hồ sơ.

Điều 24. Trình tự, thủ tục cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới thẩm định hồ sơ, tổ chức thẩm định giống cây trồng mới xin cấp Văn bằng bảo hộ theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Pháp lệnh này và đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới khi giống cây trồng đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các điều 21, 22, 23, 25 và 26 của Pháp lệnh này.

Theo yêu cầu của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét cấp phó bản Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

Điều 25. Thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới, Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới phải xác định tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì phải thông báo cho người nộp hồ sơ biết. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được thông báo hồ sơ chưa hợp lệ, người nộp hồ sơ phải hoàn thiện hồ sơ theo quy định; nếu hồ sơ vẫn không hợp lệ thì Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới từ chối chấp nhận hồ sơ. Ngày nộp hồ sơ hợp lệ là ngày hồ sơ được Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới chấp nhận.

2. Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày người nộp hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

Việc thẩm định hồ sơ bao gồm:

- a) Xác định sự phù hợp về đối tượng nộp hồ sơ;
- b) Xác định sự phù hợp của giống cây trồng mới với Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ quy định tại khoản 1 Điều 21 của Pháp lệnh này;
- c) Xác định sự phù hợp của giống cây trồng mới được bảo hộ tại Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập;
- d) Xác định sự phù hợp của giống cây trồng mới với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;
- đ) Xác định tính mới của giống cây trồng về mặt thương mại;
- e) Xác định sự phù hợp về tên giống cây trồng theo quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh này.

3. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới có quyền yêu cầu người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót; nếu hồ sơ không được sửa chữa thì Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới có quyền không chấp nhận hồ sơ.

4. Sau khi thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới chấp nhận bằng văn bản, thông báo trên tạp chí chuyên ngành và cho người nộp hồ sơ làm thủ tục khảo nghiệm, thẩm định giống cây trồng mới theo quy định tại Điều 26 của Pháp lệnh này.

Điều 26. Khảo nghiệm, thẩm định giống cây trồng mới xin cấp Văn bằng bảo hộ

1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo chấp nhận hồ sơ hợp lệ của Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới, người nộp hồ sơ xin cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới phải nộp mẫu giống cho cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng mới.

2. Cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng mới phải khảo nghiệm DUS của giống cây trồng mới theo quy phạm khảo nghiệm đối với từng loài cây trồng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

3. Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới thẩm định kết quả khảo nghiệm DUS của cơ sở khảo nghiệm giống cây trồng mới.

4. Sau khi có kết quả thẩm định, Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới có trách nhiệm:

a) Thông báo về dự định cấp Văn bằng bảo hộ cho giống cây trồng mới trên tạp chí chuyên ngành trong ba số liên tiếp;

b) Làm thủ tục đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo dự định cấp Văn bằng bảo hộ được đăng trên tạp chí chuyên ngành lần cuối, nếu không có ý kiến phản đối bằng văn bản. Trường hợp có ý kiến phản đối thì trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được

ý kiến phản đối, Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới phải xem xét và kết luận;

c) Thông báo và nêu rõ lý do trong trường hợp không cấp Văn bằng bảo hộ cho người nộp hồ sơ; đồng thời thông báo trên tạp chí chuyên ngành trong ba số liên tiếp.

5. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được thông báo tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều này, người nộp hồ sơ có quyền gửi đơn khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc không được cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

6. Sau khi có quyết định cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới thông báo những giống cây trồng mới được cấp Văn bằng bảo hộ trên tạp chí chuyên ngành.

Điều 27. Quyền của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Cho phép hoặc không cho phép sử dụng vật liệu nhân giống của giống cây trồng được bảo hộ, sản phẩm thu hoạch nhận được từ việc gieo trồng vật liệu nhân giống của giống cây trồng được bảo hộ trong các hoạt động sau đây:

- a) Sản xuất hay nhân giống;
- b) Chế biến giống;
- c) Chào hàng;

d) Bán hay các hình thức trao đổi khác;

đ) Xuất khẩu;

e) Nhập khẩu;

g) Lưu giữ nhằm thực hiện các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này.

2. Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu giống cây trồng mới đã được cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

3. Ngoài các quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới còn được quyền hưởng lợi trong các trường hợp sau đây:

a) Giống cây trồng do bất kỳ người nào tạo ra từ giống đã được bảo hộ của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ nếu giống cây trồng của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ không được tạo ra từ giống cây trồng khác đã được bảo hộ;

b) Giống cây trồng do bất kỳ người nào tạo ra mà không khác biệt rõ ràng với giống cây trồng đã được bảo hộ của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ;

c) Giống cây trồng do bất kỳ người nào tạo ra mà việc sản xuất giống đó đòi hỏi phải sử dụng lại vật liệu nhân giống của giống cây trồng đã được bảo hộ của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ;

d) Sử dụng vật liệu nhân giống của giống đã được bảo hộ của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới để sản xuất giống với mục đích thương mại tại nước

khác mà ở nước này chưa bảo hộ giống cây trồng đó.

4. Tự mình khai thác hoặc chuyển giao quyền khai thác giống cây trồng mới thông qua hợp đồng cho tổ chức, cá nhân khác. Hợp đồng chuyển giao quyền khai thác giống cây trồng mới được lập thành văn bản và đăng ký tại Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới.

5. Để thừa kế, chuyển nhượng quyền sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới theo quy định của pháp luật trong trường hợp chủ sở hữu đồng thời là tác giả; chuyển nhượng quyền sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới trong trường hợp chủ sở hữu không đồng thời là tác giả.

Điều 28. Hạn chế quyền của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới chỉ được thực hiện quyền khai thác thương mại khi giống cây trồng đó có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh.

2. Vì lợi ích quốc gia hoặc lợi ích cộng đồng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định bắt buộc chuyển giao giống cây trồng mới đã được bảo hộ và bổ sung tên giống cây trồng đó vào Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh nếu giống cây trồng đó chưa có trong Danh mục này.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao quyền khai

thác giống cây trồng mới phải trả tiền khai thác theo hợp đồng cho chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

Điều 29. Các trường hợp không phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng giống cây trồng đã được bảo hộ không phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới trong các trường hợp sau đây:

a) Sử dụng để lai tạo giống cây trồng mới hoặc nghiên cứu khoa học;

b) Sử dụng cho nhu cầu riêng không vì mục đích thương mại;

c) Giống cây trồng hoặc vật liệu nhân giống đã được chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới bán ra thị trường.

2. Hộ gia đình, cá nhân, sử dụng các vật liệu nhân giống của giống cây trồng được bảo hộ tự nhân giống để gieo trồng cho vụ tiếp theo trên diện tích đất, mặt nước thuộc quyền sử dụng của mình.

Điều 30. Nghĩa vụ của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Trực tiếp hoặc thông qua người khác được uỷ quyền duy trì vật liệu nhân giống của giống được bảo

hộ và cung cấp vật liệu nhân giống đó theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nộp phí và lệ phí bảo hộ giống cây trồng mới theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Trả thù lao cho tác giả trong trường hợp tác giả không đồng thời là chủ sở hữu, nếu chủ sở hữu và tác giả không có thoả thuận khác. Trong trường hợp chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới là tổ chức, cá nhân nước ngoài đăng ký bảo hộ tại Việt Nam thì việc trả thù lao cho tác giả được thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của tác giả giống cây trồng mới

1. Tác giả giống cây trồng mới đồng thời là chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Được ghi tên trong Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới;

b) Được hưởng các quyền của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới theo quy định tại Điều 27 của Pháp lệnh này;

c) Thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30 của Pháp lệnh này.

2. Tác giả giống cây trồng mới không đồng thời là

chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Được ghi tên là tác giả trong Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới;

b) Được nhận thù lao do chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới trả theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Pháp lệnh này;

c) Được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý về việc xâm phạm các quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

d) Giúp chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ thực hiện nghĩa vụ duy trì vật liệu nhân giống của giống cây trồng mới được bảo hộ.

Điều 32. Quyền ưu tiên xác định ngày nộp hồ sơ hợp lệ

1. Chủ sở hữu giống cây trồng mới đã nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới tại các nước cùng Việt Nam ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới mà trong thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày nộp hồ sơ tại nước ngoài, lại nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ cùng giống cây trồng đó tại Việt Nam thì được hưởng quyền ưu tiên xác định ngày nộp hồ sơ hợp lệ.

Ngày nộp hồ sơ đầu tiên hợp lệ tại nước ngoài được chấp nhận là ngày nộp hồ sơ hợp lệ tại Việt Nam.

2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ tại Việt Nam, chủ sở hữu giống cây trồng mới

phải nộp bản sao hồ sơ đầu tiên đăng ký bảo hộ tại nước ngoài có xác nhận của cơ quan đã tiếp nhận hồ sơ và mẫu giống cây trồng, bằng chứng để chứng minh giống cây trồng mới trong hai hồ sơ là cùng một giống. Trong hồ sơ đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới tại Việt Nam phải yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên xác định ngày nộp hồ sơ hợp lệ..

Điều 33. Thời hạn bảo hộ giống cây trồng mới

1. Thời hạn bảo hộ giống cây trồng mới là hai mươi năm, đối với cây thân gỗ và nho là hai mươi lăm năm.

2. Thời gian bắt đầu được bảo hộ tính từ ngày hồ sơ yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới được Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới chấp nhận là hồ sơ hợp lệ.

Điều 34. Đình chỉ hiệu lực của Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền đình chỉ hiệu lực của Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

2. Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới bị đình chỉ hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Giống cây trồng không còn đáp ứng yêu cầu về tính đồng nhất và tính ổn định theo tiêu chuẩn như khi cấp Văn bằng bảo hộ;

b) Chủ sở hữu giống cây trồng mới không cung cấp

các tài liệu, vật liệu nhân giống cần thiết để duy trì và lưu giữ giống cây trồng đó theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Quá thời hạn ba tháng, kể từ ngày phải nộp lệ phí tiếp theo, chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ không nộp lệ phí duy trì hiệu lực của Văn bằng bảo hộ.

3. Trong thời gian Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới bị đình chỉ hiệu lực thì chủ sở hữu giống cây trồng mới không có các quyền quy định tại Điều 27 và khoản 1 Điều 28 của Pháp lệnh này.

4. Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới được xem xét khôi phục hiệu lực khi chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới khắc phục được lý do bị đình chỉ hiệu lực quy định tại Điều này.

Điều 35. Huỷ bỏ Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền huỷ bỏ hiệu lực của Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

2. Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới bị huỷ bỏ khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới tự nguyện đề nghị huỷ bỏ;

b) Có bằng chứng chứng minh rằng chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới không phải là đối tượng được cấp Văn bằng bảo hộ theo quy định của pháp luật;

c) Giống cây trồng không có tính mới về mặt thương mại, tính khác biệt như đã được xác định tại thời điểm cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

Chương V

SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 36. Điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chính

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng chính với mục đích thương mại phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống cây trồng;

b) Có địa điểm sản xuất giống cây trồng phù hợp với quy hoạch của ngành Nông nghiệp, ngành Thủy sản và phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng loại giống, từng cấp giống; bảo đảm tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và pháp luật về thủy sản;

c) Có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất từng loại giống, từng cấp giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành;

d) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được đào tạo về kỹ thuật trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thực vật.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng chính phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có mặt hàng về giống cây trồng;

b) Có địa điểm kinh doanh và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc kinh doanh từng loại giống, từng cấp giống;

c) Có nhân viên kỹ thuật đủ năng lực nhận biết loại giống kinh doanh và nắm vững kỹ thuật bảo quản giống cây trồng;

d) Có hoặc thuê nhân viên kiểm nghiệm, thiết bị kiểm nghiệm chất lượng các loại giống kinh doanh.

3. Hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chính mà không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh thì không phải thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nhưng phải bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về thủy sản.

Điều 37. Sản xuất hạt giống thuần

1. Hạt giống thuần của các cây trồng chính trong nông nghiệp được sản xuất theo hệ thống 4 cấp hạt giống: cấp hạt giống tác giả, cấp hạt giống siêu nguyên chủng, cấp hạt giống nguyên chủng, cấp hạt giống xác nhận. Hạt giống cấp dưới được nhân từ hạt giống cấp trên theo quy trình sản xuất giống từng cấp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Trong trường hợp không có hạt giống tác giả để nhân ra hạt giống siêu nguyên chủng thì việc sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng được thực hiện theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tiêu chuẩn các cấp hạt giống, quy trình nhân giống và quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng.

Điều 38. Sản xuất giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm, cây lâm nghiệp, cây cảnh và cây trồng khác

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm, cây lâm nghiệp bằng phương pháp vô tính phải nhân giống từ cây đầu dòng hoặc từ vườn cây đầu dòng.

2. Tổ chức, cá nhân gieo ươm giống cây lâm nghiệp phải sử dụng hạt giống từ cây mẹ, vườn giống hoặc rừng giống đã qua bình tuyển và công nhận.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây công nghiệp, cây ăn quả ngắn ngày, cây cảnh và cây trồng khác bằng phương pháp vô tính phải thực hiện theo quy trình do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành.

Điều 39. Nhãn giống cây trồng

1. Đối với giống cây trồng có bao bì chứa đựng khi kinh doanh phải được ghi nhãn với các nội dung sau đây:

a) Tên giống cây trồng;

- b) Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh chịu trách nhiệm về giống cây trồng;
- c) Định lượng giống cây trồng;
- d) Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu;
- đ) Ngày sản xuất, thời hạn sử dụng;
- e) Hướng dẫn bảo quản và sử dụng;
- g) Tên nước sản xuất đối với giống cây trồng nhập khẩu.

2. Đối với giống cây trồng không có bao bì chứa đựng và những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này không ghi được đầy đủ trên nhãn thì phải ghi vào tài liệu kèm theo giống cây trồng khi kinh doanh.

Điều 40. Xuất khẩu giống cây trồng

1. Tổ chức, cá nhân được xuất khẩu giống cây trồng không có trong Danh mục giống cây trồng cấm xuất khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân trao đổi với nước ngoài những giống cây trồng có trong Danh mục giống cây trồng cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc các mục đích đặc biệt khác phải được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản cho phép.

Điều 41. Nhập khẩu giống cây trồng

1. Tổ chức, cá nhân được nhập khẩu các loại giống cây trồng có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giống cây trồng chưa có trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh để nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất thử hoặc trong các trường hợp đặc biệt khác phải được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản cho phép.

Chương VI

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 42. Nguyên tắc quản lý chất lượng giống cây trồng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng phải chịu trách nhiệm về chất lượng giống cây trồng do mình sản xuất, kinh doanh thông qua việc công bố tiêu chuẩn chất lượng và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp tiêu chuẩn.

Điều 43. Tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng

1. Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng bao gồm:

- a) Tiêu chuẩn Việt Nam;
 - b) Tiêu chuẩn ngành;
 - c) Tiêu chuẩn cơ sở;
 - d) Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng tại Việt Nam.
2. Thẩm quyền ban hành danh mục giống cây trồng

phải áp dụng tiêu chuẩn được quy định như sau:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục giống cây trồng phải áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành Danh mục giống cây trồng phải áp dụng tiêu chuẩn ngành.

Điều 44. Công bố tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng có trong danh mục quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 43 của Pháp lệnh này phải công bố tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng do mình sản xuất, kinh doanh; tiêu chuẩn công bố không được thấp hơn tiêu chuẩn quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 43 của Pháp lệnh này.

2. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự nguyện công bố tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng không có trong danh mục quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 43 của Pháp lệnh này.

3. Trình tự và thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng hàng hoá.

Điều 45. Công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp tiêu chuẩn

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng khi công bố chất lượng phù hợp tiêu chuẩn

phải dựa vào một trong các căn cứ sau đây:

a) Kết quả chứng nhận chất lượng của cơ sở kiểm định, kiểm nghiệm đối với giống cây trồng có trong danh mục giống cây trồng phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân hoặc kết quả đánh giá của cơ sở kiểm định, kiểm nghiệm đối với giống cây trồng không có trong danh mục giống cây trồng phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục giống cây trồng phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành Danh mục giống cây trồng phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ngành.

4. Trình tự và thủ tục công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp tiêu chuẩn phải thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng hàng hoá.

Điều 46. Kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng

1. Việc kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng do các cơ sở dịch vụ kiểm định, kiểm nghiệm thực hiện.

2. Cơ sở dịch vụ kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có phòng thử nghiệm đủ trang thiết bị phù hợp với yêu cầu kiểm định, kiểm nghiệm giống cây trồng;

b) Có trang, thiết bị kiểm soát điều kiện môi trường phù hợp với yêu cầu kiểm định, kiểm nghiệm giống cây trồng;

c) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật được đào tạo và được cấp chứng chỉ về kiểm định, kiểm nghiệm giống cây trồng.

3. Cơ sở dịch vụ kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, kiểm nghiệm do mình thực hiện.

4. Chi phí kiểm định, kiểm nghiệm do tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định, kiểm nghiệm trả.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản công nhận, quản lý các cơ sở dịch vụ kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng.

Điều 47. Kiểm dịch thực vật giống cây trồng

Tổ chức, cá nhân chọn, tạo, sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống cây trồng phải tuân theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Chương VII

THANH TRA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 48. Thanh tra giống cây trồng

Thanh tra giống cây trồng là thanh tra chuyên ngành.

Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành giống cây trồng theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 49. Giải quyết tranh chấp quyền tác giả giống cây trồng, bảo hộ giống cây trồng mới

Tranh chấp quyền tác giả giống cây trồng, bảo hộ giống cây trồng mới do Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Hiệu lực thi hành

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2004.

Điều 51. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2004

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chủ tịch

Nguyễn Văn An

MỤC LỤC

* Lệnh số 03/2004/L-CTN ngày 05-4-2004 của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc công bố Pháp lệnh giống cây trồng	5
* Pháp lệnh giống cây trồng	7
- <i>Chương I.</i> Những quy định chung	7
- <i>Chương II.</i> Quản lý và bảo tồn nguồn gen cây trồng	16
- <i>Chương III.</i> Nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, công nhận giống cây trồng mới và bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống	18
- <i>Chương IV.</i> Bảo hộ giống cây trồng mới	24
- <i>Chương V.</i> Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	38
- <i>Chương VI.</i> Quản lý chất lượng giống cây trồng	42
- <i>Chương VII.</i> Thanh tra và giải quyết tranh chấp	45
- <i>Chương VIII.</i> Điều khoản thi hành	46

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 9422008

FAX: 84-4-9421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn

Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

- CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
- QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN
- MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM

pháp lệnh giống cây trồng



Giá: 4.000đ